

Unit 12

WATER SPORTS

TRỌNG TÂM

1. Kỹ năng ngôn ngữ

• **Đọc:**

- Đọc và đoán nghĩa của từ dựa theo ngữ cảnh.
- Đọc và trả lời các câu hỏi về nội dung của bài đọc.
- Đọc và điền thông tin theo nội dung bài khoá.

• **Nói:**

- Nói về các môn thể thao dưới nước.
- Nói ý kiến riêng về các môn thể thao dưới nước.

• **Nghe:**

- Nghe đoạn văn và chọn từ điền khuyết.
- Nghe thông tin và trả lời các câu hỏi.

• **Viết:**

- Hiểu được cách viết chỉ dẫn.
- Viết lời nói dùng trong chỉ dẫn khi chơi thể thao.

2. Trọng tâm ngôn ngữ

- **Phát âm:** Phát âm đúng các âm đọc nuốt trong các từ và trong các phát ngôn.
- **Ngữ pháp:** Phân biệt và biết cách sử dụng đúng các nội động từ và ngoại động từ.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Máy và băng cát xét.

Tranh ảnh trong sách giáo khoa và các giáo cụ trực quan khác (nếu có).

A. READING

Before you read

Theo cặp, yêu cầu HS xem tranh và trả lời câu hỏi cho sẵn. Lưu ý đến ba loại câu hỏi:

Câu 1 chỉ tên môn thể thao dưới nước.

Câu 2 chỉ nơi chơi môn thể thao dưới nước đó.

Câu 3 chỉ cách thức chơi môn thể thao đó (cá nhân hay tập thể).

While you read

Theo cá nhân, yêu cầu HS đọc thâm đoạn văn và chuẩn bị thực hiện những nhiệm vụ sau khi đọc.

Task 1. (Trang 130)

Theo cặp, yêu cầu HS tìm nghĩa của các từ ở cột A theo cách giải thích ở cột B. Mục đích của bài tập là giúp HS biết nghĩa của một số từ cơ bản đã được giới thiệu trong bài đọc.

Yêu cầu một số HS nói đáp án trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét hoặc sửa lỗi cho bạn (nếu có).

ĐÁP ÁN

A	B
1. <i>opponent</i>	<i>e. someone who tries to defeat another person in a competition</i>
2. <i>penalize</i>	<i>c. to punish a team or player who breaks the rules</i>
3. <i>eject</i>	<i>a. to make someone leave a game</i>
4. <i>foul</i>	<i>b. an action in sports that is against the rules</i>
5. <i>tie</i>	<i>d. a situation in a game when two teams have the same scores</i>

Task 2. (Trang 130)

Theo cặp hoặc trong các nhóm nhỏ, yêu cầu HS đọc quét và tìm những thông tin trong bài đọc để điền vào các chỗ trống trong câu. Đi quanh lớp để kiểm tra hoạt động của HS. GV gợi ý giúp những HS gặp khó khăn.

Gọi một số HS đại diện cho các cặp/nhóm thông báo đáp án trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét hoặc sửa lỗi cho các bạn (nếu có).

ĐÁP ÁN GỢI Ý

1. *1.8; 30 metres; 20 metres*
2. *white caps; blue caps; red caps with the number 1 in white*
3. *their own goal lines*
4. *holding or punching the ball*
5. *five to eight minutes*

Task 3. (Trang 130)

Theo cặp, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi cho sẵn theo nội dung bài đọc. Đi quanh nghe và giúp các cặp HS nào gặp khó khăn. Kiểm tra một số từ và cấu trúc ngữ pháp của HS nếu thấy cần thiết.

Gọi một vài HS đọc câu hỏi trước lớp, HS khác trả lời. Trong khi HS trả lời các câu hỏi, yêu cầu các em không nhìn vào SGK.

ĐÁP ÁN GỢI Ý

1. *People can play it in a pool.*
2. *It is in the centre of the pool.*
3. *The ball can be advanced by passing with one hand or swimming with the head above the water and the ball between the arms so it rides on the wave created by the swimmer's head.*
4. *Only the goalie can hold/ is allowed to hold the ball with both hands.*
5. *The player is ejected after committing five personal fouls.*

After you read

Theo nhóm (từ 5 đến 10 em), yêu cầu HS so sánh hai môn thể thao theo yêu cầu của bài tập. Gợi ý HS điền thông tin theo bảng sau:

	football	water polo
Places to play		
Number of players		
Main rules		
Length of game		

B. SPEAKING

Task 1. (Trang 131)

Theo cặp, yêu cầu HS đọc tên một số môn thể thao dưới nước sau đó ghép chúng với các tranh. Nếu có điều kiện, khuyến khích HS nói những hiểu biết của mình về các môn thể thao đó dùng các gợi ý trong bài tập sau đọc.

Task 2. (Trang 131)

HS đọc đầu bài để hiểu mục đích và yêu cầu của bài tập. Có thể yêu cầu một HS nói lại mục đích và yêu cầu của bài tập.

Theo cặp, HS thảo luận kể theo mẫu về các môn thể thao dưới nước dùng các thông tin cho sẵn.

Chọn một số HS kể trước lớp các môn thể thao theo như ví dụ trong SGK, cả lớp nghe và cho ý kiến nhận xét.

Task 3. (Trang 132)

Theo nhóm nhỏ, yêu cầu HS nói sở thích của mình về các môn thể thao dưới nước theo mẫu câu như ví dụ trong SGK. Nếu cần thiết có thể hướng dẫn HS tìm các tính từ chỉ các môn thể thao mình ưa thích.

C. LISTENING

Before you listen

Theo cặp, HS xem tranh và thảo luận các vấn đề theo gợi ý trong SGK.

Các ý trả lời có thể là:

- *in a swimming pool*
- *without equipment*
- *in a team or individually*

Đọc mẫu hoặc bật băng (nếu có) cho HS nghe và nhắc lại các từ đã cho. GV có thể yêu cầu HS đọc đồng thanh hoặc chỉ định một vài cá nhân nhắc lại các từ cho sẵn.

Lưu ý HS đây là những từ sẽ xuất hiện trong bài nghe. Bảo đảm rằng HS biết nghĩa của các từ này trước khi chuyển sang bài tập sau.

While you listen

Task 1. (Trang 133)

Trình bày rõ tình huống để HS hiểu được ngữ cảnh trong đó bài nghe xuất hiện. Ví dụ: *You will hear a woman talking about Synchronized Swimming. Listen to the tape/my reading. Then circle the most appropriate option to complete the sentences.*

Yêu cầu HS đọc câu trong bài tập từ 1 đến 2 phút. Đảm bảo rằng HS hiểu hết nghĩa của các từ và cấu trúc câu được giới thiệu trong bài. Nếu có từ, cấu trúc mới, GV cần sử dụng các thủ thuật dạy từ vựng quen thuộc như đồng nghĩa, nghịch nghĩa, giải thích, dịch sang tiếng Việt.

Đọc rõ hoặc bật băng nếu có (một hoặc hai lần) để HS nghe và chọn các phương án có thể điền vào chỗ trống các câu. Yêu cầu một vài HS nói đáp án trước lớp, HS khác nghe và cho nhận xét.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
B	C	A	B	A

Tapescript

SYNCHRONIZED SWIMMING

The great Australian swimmer, Annette Kellerman, student at the University of Wisconsin, planted the first seed of what was to become synchronized swimming when she performed a water ballet in a glass tank in New York in 1907.

Katherine Curtis, an American woman, was very inspired by the new water sport. So she tried to get synchronized swimming added to the physical education programme for female students. In 1923 she founded a water ballet club at the University of Chicago and sixty swimmers of the club attracted national and international publicity.

The sport quickly became popular among young women in Chicago. Curtis developed the competition rules, based essentially on the scoring methods used in gymnastics and diving.

The first recorded competition was held on May 27, 1939, between Chicago Teacher's College coached by Curtis and Wright Junior College of Illinois.

Shortly afterwards, the Central Association of the Amateur Athletic Union (AAU) staged the first multi-team competition on March 1, 1940. The following year, the AAU officially accepted synchronized swimming as a competitive sport for team events. In 1946 the first formal national championships were conducted by the AAU.

Synchronized swimming became an Olympic event at the Los Angeles Games in 1984.

Task 2. (Trang 134)

Yêu cầu HS đọc các câu hỏi trước khi nghe lại bài nghe trong thời gian từ 1 đến 2 phút. Lưu ý HS các thông tin cần hướng tới khi nghe để có thể trả lời các câu hỏi.

Đọc rõ hoặc bật băng một lần để HS có thể trả lời các câu hỏi.

Theo cặp, HS hỏi và trả lời các câu hỏi của bài tập 2. Sau đó yêu cầu một cặp đặt câu hỏi và trả lời trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét hoặc sửa lỗi cho bạn (nếu có).

ĐÁP ÁN GỢI Ý

1. *The great Australian swimmer, Annette Kellerman did.*
2. *She founded a water ballet club in 1923.*
3. *Curtis did.*
4. *They were conducted in 1946.*
5. *It became an Olympic event in 1984.*

After you listen

Theo nhóm, yêu cầu HS nói theo yêu cầu của đầu bài. Lưu ý các thông tin theo mốc thời gian.

Yêu cầu một số HS nói trước lớp về những điều đã thảo luận trong các cặp, HS khác nghe và cho nhận xét hoặc sửa lỗi cho bạn (nếu có).

D. WRITING

Task 1. (Trang 134)

Yêu cầu HS đọc các chỉ dẫn và ghép các câu với tranh phù hợp.

ĐÁP ÁN

a	b	c	d
2	4	1	3

Task 2. (Trang 135)

Theo cá nhân, yêu cầu HS viết chỉ dẫn theo tranh và các cụm từ gợi ý.

Theo cặp hoặc nhóm nhỏ, yêu cầu HS trao đổi bài vừa hoàn thành, cho ý kiến nhận xét hoặc chữa bài cho bạn.

Nếu có thời gian, yêu cầu một HS chép bài làm trên bảng, cả lớp đọc, cho nhận xét.

Gợi ý:

2. *Stand with your feet apart, raise your hands above your head.*
3. *Bend forward, fingertips touch the ground.*
4. *Then bend again, fingertips touch the ground between the feet.*
5. *Finally put each arm back to the first position.*

E. LANGUAGE FOCUS

Pronunciation

- **Listen and repeat.**

Đọc mẫu một hoặc hai lượt các từ trong đó có các từ nuốt âm. Sau đó yêu cầu HS nhắc lại.

Chỉ định một số HS đọc lại và sửa lỗi nếu thấy cần thiết.

- **Practise reading these sentences.**

Đọc mẫu một hoặc hai lượt. Lưu ý các âm đọc nuốt trong câu.

Theo cặp/nhóm, yêu cầu HS thực hành đọc. GV đi quanh các cặp/nhóm để giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.

Grammar

Exercise 1. (Trang 136)

Theo cặp hoặc cá nhân, yêu cầu HS đọc và phân biệt các động từ đòi hỏi và không đòi hỏi tân ngữ. HS làm bài trong một khoảng thời gian vài phút sau đó yêu cầu HS nói kết quả bài làm trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét.

Các động từ có thể không đòi hỏi một tân ngữ là:

sleep lie occur arrive rain exist

Exercise 2. (Trang 136)

Theo cặp, yêu cầu HS đọc các câu, tìm và phân biệt các động từ dạng transitive và intransitive. HS làm bài trong một khoảng thời gian 10 phút sau đó yêu cầu HS nói kết quả bài làm trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét.

ĐÁP ÁN

1. *happened (I)*

2. *bought (T)*

3. *won (T)*

4. *won (I)*

5. *arrived (I)*

6. *are staying (I)*

7. *is blowing (I)*

8. *walked (I)*

Lưu ý: Trong tiếng Anh, một động từ có thể vừa ở dạng transitive (*I broke the cup.*) vừa ở dạng intransitive (*The cup fell and broke.*).

Exercise 3. (Trang 137)

Theo cặp, yêu cầu HS thực hiện bài tập theo yêu cầu của đề bài. HS làm bài trong một khoảng thời gian nhất định (10 phút) sau đó yêu cầu HS nói kết quả bài làm trước lớp, HS khác nghe, cho nhận xét.

ĐÁP ÁN GỢI Ý

Active sentences

1. *An will pay the bill.*
2. *Sue will come tomorrow.*
3. *The hotel supplies towels.*
4. *Accidents happen every day.*
5. *Everyone noticed my mistakes.*
6. *The train arrived at three.*
7. *The news didn't surprise me.*
8. *Birds fly in the sky.*
9. *An old man told the story.*
10. *Sue laughed loudly.*

Passive sentences

- The bill will be paid by An.*
- 0*
- Towels are supplied by the hotel.*
- 0*
- My mistakes were noticed by everyone.*
- 0*
- I wasn't surprised by the news.*
- 0*
- The story was told by an old man.*
- 0*